

Số: 78/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3);

Xét Tờ trình số 3014/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4) đối với số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương như sau:

1. Điều chỉnh phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết, cụ thể như sau:

1.1. Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (*Tính bố trí*)

- Điều chỉnh giảm 13.500 triệu đồng nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (*Tính bố trí*) chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (*Tính bố trí*) chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm hết 13.500 triệu đồng, đảm bảo thực hiện phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn đầu tư từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (*Tính bố trí*) giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

1.2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

- Điều chỉnh giảm 29.407 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 43.907 triệu đồng còn 14.500 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

2. Điều chỉnh phần vốn tăng thu ngân sách địa phương (*bao gồm tăng thu từ sử dụng đất*) đã thực hiện phân bổ chi tiết tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 68/NQ-HĐND, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND và Nghị quyết số 55/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm 29.007 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tăng thu ngân sách địa phương của dự án: Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- Điều chỉnh tăng 29.007 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn tăng thu ngân sách địa phương của dự án: Phát triển quỹ đất, phân lô nhà ở khu chợ trung tâm thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

(Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2) và Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao vốn theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *lsh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê

Biểu số 01

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH SỐ VỐN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/NQ-HĐND NGÀY 30/8/2022

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022	Điều chỉnh		Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	1.545.895,804	42.907,000		1.502.988,804	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	57.407,000	42.907,000		14.500,000	
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (Tỉnh bố trí)	13.500,000	13.500,000		-	Biểu số 02
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	43.907,000	29.407,000		14.500,000	Biểu số 02
II	Tăng thu ngân sách địa phương	1.358.052,804			1.358.052,804	Không thực hiện điều chỉnh
III	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	130.436,000			130.436,000	Không thực hiện điều chỉnh

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; NQ số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG SỐ				299.006,000	72.564,000	59.667,000	59.667,000	42.907,000	42.907,000	80.660,000	59.667,000	
A	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (Tỉnh bố trí)				299.006,000	72.564,000	15.760,000	15.760,000	13.500,000	13.500,000	15.760,000	15.760,000	
A.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022				299.006,000	72.564,000	15.760,000	15.760,000	13.500,000	13.500,000	15.760,000	15.760,000	
A.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết						13.500,000	13.500,000	13.500,000		-	-	
A.1.2	Phân bổ chi tiết				299.006,000	72.564,000	2.260,000	2.260,000		13.500,000	15.760,000	15.760,000	
I	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				299.006,000	72.564,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025				299.006,000	72.564,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm B												
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Cao Bằng	TK, NB, HQ	2023-2026	716/QĐ-TTg 13/6/2022	299.006,000	72.564,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	Đổi ứng dự án ODA
II	Trả phí, lãi vay các dự án ODA						2.260,000	2.260,000		12.500,000	14.760,000	14.760,000	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						43.907,000	43.907,000	29.407,000	29.407,000	64.900,000	43.907,000	
B.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022						43.907,000	43.907,000	29.407,000	29.407,000	64.900,000	43.907,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; NQ số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó Vốn cân đối NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó Vốn cân đối NSDP	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
B.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết						43.907,000	43.907,000	29.407,000		14.500,000	14.500,000	
B.1.2	Phân bổ chi tiết									29.407,000	50.400,000	29.407,000	
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lạc	BLạc								40,000	40,000	40,000	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lâm	BLâm								40,000	40,000	40,000	
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hạ Lang	HL								40,000	40,000	40,000	
4	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng	HQ								40,000	40,000	40,000	
5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hòa An	HA								40,000	40,000	40,000	
6	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nguyên Bình	NB								40,000	40,000	40,000	
7	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	QH								40,000	40,000	40,000	
8	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch An	TA								40,000	40,000	40,000	
9	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh	TK								40,000	40,000	40,000	
10	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	TPCB								40,000	40,000	40,000	
11	Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TA	2022-2024	2235/QĐ-UBND; 22/11/2021; 1490/QĐ-UBND 17/10/2022	50.000,000	29.007,000	50.000,000			29.007,000	50.000,000	29.007,000	

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM TĂNG THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; NQ số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022; NQ số 55/NQ-HĐND ngày 30/8/2022)			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
	TỔNG CỘNG				95.227,347	50.000,000	50.000,000	50.000,000	29.007,000	29.007,000	79.007,000	50.000,000			
A	Điều chỉnh số vốn đã phân bổ chi tiết				95.227,347	50.000,000	50.000,000	50.000,000	29.007,000	29.007,000	79.007,000	50.000,000			
I	Quỹ phát triển đất				95.227,347	50.000,000	50.000,000	50.000,000	29.007,000	29.007,000	79.007,000	50.000,000			
	<i>Dự án nhóm C</i>														
1	Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TA	2022-2024	2235/QĐ-UBND; 22/11/2021; 1490/QĐ-UBND 17/10/2022	50.000,000	20.993,000	50.000,000	50.000,000	29.007,000		50.000,000	20.993,000			
2	Phát triển quỹ đất, phân lô nhà ở khu chợ trung tâm thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	HL	2019-2024	2326/QĐ-UBND, 31/12/2018; 1628/QĐ-UBND, 30/9/2019; 2008/QĐ-UBND, 27/10/2021; 1572/QĐ-UBND, 27/10/2022	45.227,347	29.007,000				29.007,000	29.007,000	29.007,000			